

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**CHÍNH PHỦ**

**Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025
về đăng ký doanh nghiệp**

(Tiếp theo Công báo số 885 + 886)

Chương VIII
HỘ KINH DOANH VÀ ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH

Điều 82. Quyền thành lập hộ kinh doanh

1. Hộ kinh doanh do một cá nhân hoặc các thành viên hộ gia đình đăng ký thành lập và chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với hoạt động kinh doanh của hộ. Trường hợp hộ kinh doanh do các thành viên hộ gia đình đăng ký thành lập thì các thành viên ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên làm người đại diện hộ kinh doanh trong quá trình hoạt động kinh doanh. Văn bản ủy quyền của các thành viên hộ gia đình cho một thành viên làm người đại diện hộ kinh doanh phải được công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật.

2. Cá nhân, thành viên hộ gia đình là công dân Việt Nam có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của Bộ luật Dân sự có quyền thành lập hộ kinh doanh theo quy định tại Nghị định này, trừ các trường hợp sau đây:

a) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định;

b) Người không được thành lập hộ kinh doanh theo quy định của luật.

3. Hộ gia đình sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, làm muối và những người bán hàng rong, quà vặt, buôn chuyến, kinh doanh lưu động, kinh doanh thời vụ, làm dịch vụ có thu nhập thấp không phải đăng ký hộ kinh doanh, trừ trường hợp kinh

doanh các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định mức thu nhập thấp áp dụng trên phạm vi địa phương.

4. Trường hợp có nhu cầu thành lập hộ kinh doanh, các đối tượng tại khoản 3 Điều này đăng ký hộ kinh doanh theo quy định tại Nghị định này.

Điều 83. Nghĩa vụ đăng ký hộ kinh doanh

1. Cá nhân, thành viên hộ gia đình quy định tại khoản 2 Điều 82 Nghị định này chỉ được đăng ký một hộ kinh doanh trong phạm vi toàn quốc.

2. Người thành lập hộ kinh doanh, hộ kinh doanh có nghĩa vụ đăng ký hộ kinh doanh, báo cáo và các nghĩa vụ khác theo quy định tại Nghị định này, không được hoạt động dưới danh nghĩa hộ kinh doanh mà không đăng ký.

3. Trường hợp hộ kinh doanh do các thành viên hộ gia đình đăng ký thành lập thì chủ hộ kinh doanh thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh khi được tất cả thành viên thông qua nội dung đăng ký.

Điều 84. Quyền và nghĩa vụ của chủ hộ kinh doanh và thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh

1. Chủ hộ kinh doanh, các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh thực hiện các hoạt động kinh doanh của hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm liên đới đối với các hoạt động kinh doanh của hộ kinh doanh.

2. Chủ hộ kinh doanh có thể trực tiếp hoặc thuê người khác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của hộ kinh doanh. Trong trường hợp này, chủ hộ kinh doanh, các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh vẫn phải chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác phát sinh từ hoạt động kinh doanh của hộ kinh doanh.

3. Chủ hộ kinh doanh thực hiện các nghĩa vụ về thuế, nghĩa vụ tài chính, đại diện cho hộ kinh doanh với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án, thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

4. Chủ hộ kinh doanh, các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh được quyền góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp trong doanh nghiệp với tư cách cá nhân.

5. Chủ hộ kinh doanh, thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh không được đồng thời là chủ doanh nghiệp tư nhân.

6. Chủ hộ kinh doanh, thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh có quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

7. Quyền của chủ hộ kinh doanh và thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh trong một số trường hợp đặc biệt:

a) Trường hợp chủ hộ kinh doanh bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc thì chủ hộ kinh doanh ủy quyền cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đối với trường hợp hộ kinh doanh do một cá nhân thành lập hoặc các thành viên còn lại ủy quyền cho thành viên khác làm chủ hộ kinh doanh đối với trường hợp hộ kinh doanh do các thành viên hộ gia đình thành lập. Người được chủ hộ kinh doanh ủy quyền thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ hộ kinh doanh trong phạm vi được ủy quyền theo quy định của pháp luật về dân sự;

b) Trường hợp chủ hộ kinh doanh là cá nhân bị Tòa án tuyên bố bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi thì quyền, nghĩa vụ của chủ hộ kinh doanh được thực hiện thông qua người đại diện đối với trường hợp hộ kinh doanh do một cá nhân thành lập; các thành viên còn lại ủy quyền cho thành viên khác làm chủ hộ kinh doanh đối với trường hợp hộ kinh doanh do các thành viên hộ gia đình thành lập; trường hợp hộ kinh doanh có hai thành viên thì thành viên còn lại là chủ hộ kinh doanh. Người đại diện của chủ hộ kinh doanh thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ hộ kinh doanh trong phạm vi được đại diện theo quy định của pháp luật về dân sự.

Điều 85. Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh

1. Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh là văn bản bằng bản giấy hoặc bản điện tử mà Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã cấp cho hộ kinh doanh, ghi lại thông tin đăng ký hộ kinh doanh do người thành lập hộ kinh doanh, hộ kinh doanh đăng ký. Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh.

2. Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh được cấp cho hộ kinh doanh. Hộ kinh doanh được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh khi có đủ các điều kiện sau đây:

- a) Ngành, nghề kinh doanh không bị cấm đầu tư kinh doanh;
- b) Tên hộ kinh doanh được đặt theo đúng quy định tại Điều 86 Nghị định này;
- c) Có hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh hợp lệ;
- d) Nộp đủ lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

3. Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh được cấp trên cơ sở thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh do người thành lập hộ kinh doanh hoặc hộ kinh doanh tự kê khai và tự chịu trách nhiệm.

4. Hộ kinh doanh có quyền hoạt động kinh doanh kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, trừ trường hợp kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Trường hợp hộ kinh doanh đăng ký ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh của hộ kinh doanh sau ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh thì hộ kinh doanh được quyền hoạt động kinh doanh kể từ ngày đăng ký, trừ trường hợp kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh không phải là giấy phép kinh doanh.

5. Trường hợp hộ kinh doanh được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh mới thì Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh của các lần trước đó không còn hiệu lực.

6. Trường hợp sau thời hạn quy định tại Nghị định này mà Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã không cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc không ra thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ thì người thành lập hộ kinh doanh hoặc hộ kinh doanh có quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Điều 86. Tên hộ kinh doanh

1. Hộ kinh doanh có tên gọi riêng. Tên hộ kinh doanh bao gồm hai thành tố theo thứ tự sau đây:

- a) Cụm từ “Hộ kinh doanh”;

b) Tên riêng của hộ kinh doanh.

Tên riêng được viết bằng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt, các chữ F, J, Z, W, có thể kèm theo chữ số, ký hiệu.

2. Không được sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc để đặt tên riêng cho hộ kinh doanh.

3. Không được sử dụng các cụm từ “công ty”, “tổng công ty”, “tập đoàn”, “doanh nghiệp” để đặt tên hộ kinh doanh.

4. Không được sử dụng tên thương mại, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý của tổ chức, cá nhân, hộ kinh doanh khác đã được bảo hộ để cấu thành tên riêng của hộ kinh doanh, trừ trường hợp được sự chấp thuận của chủ sở hữu tên thương mại, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý đó. Hộ kinh doanh tự chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu đặt tên hộ kinh doanh xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp. Việc xử lý tên hộ kinh doanh xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Hộ kinh doanh có tên vi phạm phải đăng ký thay đổi tên hộ kinh doanh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm yêu cầu. Trường hợp hộ kinh doanh không đăng ký thay đổi tên xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp theo yêu cầu, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu hộ kinh doanh báo cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 22 Nghị định này.

5. Ngoài tên tiếng Việt, hộ kinh doanh có thể đăng ký tên bằng tiếng nước ngoài hoặc tên viết tắt. Tên hộ kinh doanh bằng tiếng nước ngoài là tên được dịch từ tên tiếng Việt sang một trong những tiếng nước ngoài hệ chữ La-tinh. Khi dịch sang tiếng nước ngoài, tên riêng của hộ kinh doanh có thể giữ nguyên hoặc dịch theo nghĩa tương ứng sang tiếng nước ngoài. Tên viết tắt của hộ kinh doanh được viết tắt từ tên tiếng Việt hoặc tên bằng tiếng nước ngoài.

6. Tên tiếng Việt của hộ kinh doanh không được trùng với tên tiếng Việt của hộ kinh doanh đã đăng ký trong phạm vi cấp xã, trừ những hộ kinh doanh đã chấm dứt hoạt động. Tên trùng là tên tiếng Việt được viết hoàn toàn giống nhau, không kể chữ hoa hay chữ thường.

7. Việc thay đổi tên hộ kinh doanh không làm thay đổi quyền và nghĩa vụ của hộ kinh doanh.

8. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã có quyền chấp thuận hoặc từ chối tên dự kiến đăng ký của hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật. Ý kiến của Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã là quyết định cuối cùng về tên của hộ kinh doanh. Trường hợp không đồng ý với quyết định của Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã, người thành lập hộ kinh doanh, hộ kinh doanh có thể khởi kiện theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 87. Trụ sở và địa điểm kinh doanh của hộ kinh doanh

1. Trụ sở của hộ kinh doanh là nơi hộ kinh doanh thực hiện hoạt động kinh doanh và là địa chỉ liên lạc do hộ kinh doanh đăng ký để cơ quan quản lý nhà nước liên hệ, được xác định theo địa giới đơn vị hành chính trên lãnh thổ Việt Nam. Hộ kinh doanh có thể hoạt động kinh doanh ngoài trụ sở.

2. Địa điểm kinh doanh của hộ kinh doanh là nơi hộ kinh doanh tiến hành hoạt động kinh doanh cụ thể ngoài trụ sở. Một hộ kinh doanh có thể có nhiều địa điểm kinh doanh trong phạm vi cả nước. Hộ kinh doanh phải thông báo cho Cơ quan quản lý thuế, cơ quan quản lý thị trường nơi đặt địa điểm kinh doanh.

3. Đối với hộ kinh doanh không có địa điểm kinh doanh cố định thì chọn một địa chỉ để đăng ký trụ sở và đăng ký không hoạt động kinh doanh tại trụ sở. Sau khi thành lập, trường hợp hộ kinh doanh phát sinh hoạt động kinh doanh tại một địa điểm cố định thì hộ kinh doanh phải đăng ký trụ sở tại nơi thực hiện hoạt động kinh doanh cố định.

Điều 88. Nguyên tắc áp dụng trong đăng ký hộ kinh doanh

1. Người thành lập hộ kinh doanh hoặc hộ kinh doanh tự kê khai hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực và chính xác của các thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh và các báo cáo.

2. Người thành lập hộ kinh doanh, hộ kinh doanh có thể nộp hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh và nhận kết quả tại Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã bất kỳ trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi hộ kinh doanh đặt trụ sở. Việc giải quyết hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh do cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi hộ kinh doanh đặt trụ sở thực hiện.

3. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, không chịu trách nhiệm về những vi phạm pháp luật của người thành lập hộ kinh doanh, hộ kinh doanh xảy ra trước và sau khi đăng ký hộ kinh doanh.

Hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh hợp lệ là hồ sơ có đầy đủ giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của Nghị định này.

4. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã không giải quyết tranh chấp giữa các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh với nhau hoặc với tổ chức, cá nhân khác hoặc giữa hộ kinh doanh với tổ chức, cá nhân khác.

5. Nghiêm cấm Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã và các cơ quan khác gây phiền hà đối với tổ chức, cá nhân trong khi tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục đăng ký hộ kinh doanh.

Điều 89. Ngành, nghề kinh doanh của hộ kinh doanh

1. Hộ kinh doanh được quyền tự do kinh doanh ngành, nghề mà luật không cấm. Đối với những ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, hộ kinh doanh chỉ được kinh doanh khi đáp ứng đủ các điều kiện đầu tư kinh doanh và phải đảm bảo duy trì đủ điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh.

2. Khi đăng ký thành lập hộ kinh doanh, khi đăng ký thay đổi ngành, nghề kinh doanh hoặc khi đề nghị cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, người thành lập hộ kinh doanh hoặc hộ kinh doanh ghi ngành, nghề trên giấy đề nghị đăng ký hộ kinh doanh và lựa chọn một ngành kinh tế cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam để ghi ngành, nghề kinh doanh chính. Đối với ngành, nghề kinh doanh khác ngành, nghề kinh doanh chính, người thành lập hộ kinh doanh hoặc hộ kinh doanh không phải ghi theo ngành kinh tế cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam. Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì ngành, nghề kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã hướng dẫn, đối chiếu và ghi nhận ngành, nghề kinh doanh của hộ kinh doanh vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh.

3. Việc ghi ngành, nghề kinh doanh chính của hộ kinh doanh thực hiện theo quy định sau đây:

a) Nội dung cụ thể của ngành kinh tế cấp bốn thực hiện theo Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam theo quy định hiện hành;

b) Đối với những ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật khác thì ngành, nghề kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại văn bản quy phạm pháp luật đó;

c) Đối với những ngành, nghề kinh doanh chưa được quy định cụ thể trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam nhưng được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật khác thì ngành, nghề kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại văn bản quy phạm pháp luật đó;

d) Đối với những ngành, nghề kinh doanh chưa có trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam và chưa được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật khác thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ghi nhận ngành, nghề kinh doanh này vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh nếu không thuộc ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh, đồng thời thông báo cho Bộ Tài chính để nghiên cứu, bổ sung khi sửa đổi Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam;

đ) Trường hợp hộ kinh doanh có nhu cầu ghi ngành, nghề kinh doanh chi tiết hơn ngành kinh tế cấp bốn thì hộ kinh doanh lựa chọn một ngành kinh tế cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam, sau đó ghi chi tiết ngành, nghề kinh doanh của hộ kinh doanh dưới ngành kinh tế cấp bốn nhưng phải đảm bảo ngành, nghề kinh doanh chi tiết của hộ kinh doanh thuộc ngành kinh tế cấp bốn đã chọn. Trong trường hợp này, ngành, nghề kinh doanh của hộ kinh doanh là ngành, nghề kinh doanh chi tiết hộ kinh doanh đã ghi;

e) Việc ghi ngành, nghề kinh doanh quy định tại điểm b và điểm c khoản này thực hiện theo quy định tại điểm đ khoản này, trong đó, ngành, nghề kinh doanh chi tiết được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành.

4. Việc quản lý nhà nước đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và kiểm tra việc chấp hành điều kiện đầu tư kinh doanh của hộ kinh doanh thuộc thẩm quyền của cơ quan chuyên ngành theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 90. Số lượng hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh

1. Người thành lập hộ kinh doanh hoặc hộ kinh doanh nộp một bộ hồ sơ khi thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh.

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã không được yêu cầu người thành lập hộ kinh doanh hoặc hộ kinh doanh nộp thêm hồ sơ hoặc giấy tờ khác ngoài các giấy tờ trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh quy định tại Nghị định này.

Điều 91. Mã số hộ kinh doanh

1. Mã số hộ kinh doanh là dãy số được xác định là mã số thuế do Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế truyền sang Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh để cấp cho hộ kinh doanh khi đăng ký hộ kinh doanh. Mã số hộ kinh doanh được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

2. Việc truyền nhận thông tin về mã số hộ kinh doanh được thực hiện theo quy trình sau:

a) Khi hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh truyền thông tin đăng ký hộ kinh doanh sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế;

b) Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế nhận thông tin đăng ký hộ kinh doanh từ Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh truyền sang và tự động kiểm tra sự phù hợp của thông tin theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế.

Trường hợp thông tin phù hợp theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế, Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế truyền thông tin về mã số hộ kinh doanh và Cơ quan thuế quản lý trực tiếp hộ kinh doanh sang Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh đối với trường hợp thành lập hộ kinh doanh.

Trường hợp thông tin không phù hợp theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế, Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế tự động phản hồi về việc thông tin không phù hợp và truyền sang Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh để Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo cho hộ kinh doanh;

c) Trên cơ sở thông tin do Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế cung cấp, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; thông báo về Cơ quan thuế quản lý trực tiếp đối với trường hợp thành lập hộ kinh doanh.

3. Cơ quan quản lý nhà nước thống nhất sử dụng mã số hộ kinh doanh để thực hiện công tác quản lý nhà nước và trao đổi thông tin về hộ kinh doanh.

Điều 92. kê khai thông tin cá nhân trong thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh

1. Chủ hộ kinh doanh có nghĩa vụ kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, số định danh cá nhân, giới tính của mình và thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh chính xác so với các thông tin được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và đồng ý chia sẻ thông tin cá nhân được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã, cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh để phục vụ công tác quản lý nhà nước về đăng ký hộ kinh doanh theo quy định. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai có sai khác so với thông tin được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, chủ hộ kinh doanh hoặc các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để hiệu chỉnh thông tin trước khi thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh.

2. Trường hợp nộp hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh bằng bản giấy, người nộp hồ sơ xuất trình thẻ Căn cước công dân, thẻ Căn cước hoặc sử dụng căn cước điện tử để thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh.

3. Trường hợp việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân của chủ hộ kinh doanh, thành viên hộ gia đình phải kèm theo bản sao thẻ Căn cước công dân, thẻ Căn cước còn hiệu lực của cá nhân đó.

4. Các thông tin cá nhân được Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư chia sẻ với Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh bao gồm:

- a) Họ, chữ đệm và tên;
- b) Ngày, tháng, năm sinh;
- c) Số định danh cá nhân;
- d) Giới tính;

- đ) Dân tộc;
- e) Quốc tịch;
- g) Nơi thường trú;
- h) Nơi ở hiện tại.

5. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã, cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh có quyền khai thác thông tin cá nhân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để giải quyết thủ tục đăng ký hộ kinh doanh và phải lưu giữ, bảo quản thông tin, dữ liệu theo quy định của pháp luật, đảm bảo an toàn, bảo mật và được sao lưu dự phòng đảm bảo tính đầy đủ, toàn vẹn của hồ sơ cho phép truy cập, sử dụng khi cần thiết hoặc để phục vụ công tác kiểm tra, đối chiếu, giải quyết tra soát, khiếu nại và cung cấp thông tin khi có yêu cầu từ cơ quan, tổ chức theo quy định.

Điều 93. Ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh

Chủ hộ kinh doanh có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh theo quy định sau đây:

1. Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh, kèm theo hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hộ kinh doanh. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.

2. Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh, kèm theo hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hộ kinh doanh, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hộ kinh doanh.

3. Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh thì khi thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và chủ hộ kinh doanh.

4. Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh thì việc ủy quyền thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.

5. Người ủy quyền và người được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực và chính xác của việc ủy quyền. Người ủy quyền và người được ủy quyền phải thực hiện xác thực điện tử để được cấp đăng ký hộ kinh doanh. Trường hợp việc xác thực điện tử bị gián đoạn thì người ủy quyền thực hiện việc xác thực điện tử sau khi được cấp đăng ký hộ kinh doanh. Trường hợp người ủy quyền không xác nhận hoặc xác nhận không ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu hộ kinh doanh báo cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 22 Nghị định này.

Trường hợp chưa có tài khoản định danh điện tử để thực hiện xác thực điện tử thì hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh phải kèm theo bản sao thẻ Căn cước hoặc thẻ Căn cước công dân còn hiệu lực của người ủy quyền.

Điều 94. Phương thức đăng ký hộ kinh doanh

Chủ hộ kinh doanh hoặc người được ủy quyền đăng ký hộ kinh doanh với Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã theo một trong các phương thức sau đây:

1. Đăng ký trực tiếp tại Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã.
2. Đăng ký qua dịch vụ bưu chính.
3. Đăng ký qua mạng thông tin điện tử.

Điều 95. Tiếp nhận, xử lý hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh trên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh theo phương thức đăng ký trực tiếp và đăng ký qua dịch vụ bưu chính

1. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã tiếp nhận hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh vào Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh khi hồ sơ đáp ứng các điều kiện sau đây:

- a) Có đủ giấy tờ theo quy định tại Nghị định này;
- b) Thông tin của hộ kinh doanh đã được kê khai đầy đủ vào các giấy tờ trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh;
- c) Có số điện thoại của người nộp hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh;
- d) Đã nộp đủ lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nhập đầy đủ, chính xác thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, số hóa, đặt tên văn bản điện tử tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh bằng bản giấy và đính kèm lên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh.

3. Các thông tin đăng ký hộ kinh doanh trên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh được truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để phối hợp, trao đổi thông tin giữa Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã và Cơ quan thuế.

4. Thời hạn để hộ kinh doanh sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh là 60 ngày kể từ ngày Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu hộ kinh doanh không nộp hồ sơ sửa đổi, bổ sung thì hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh không còn giá trị. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh.

5. Hộ kinh doanh có thể dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh khi hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh chưa được chấp thuận trên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh. Trong trường hợp này, chủ hộ kinh doanh gửi văn bản đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi đã nộp hồ sơ. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã xem xét, ra thông báo về việc dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh và hủy hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị. Trường hợp từ chối dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do từ chối.

Điều 96. Cấp đăng ký hộ kinh doanh theo quy trình dự phòng

1. Cấp đăng ký hộ kinh doanh theo quy trình dự phòng là việc cấp đăng ký hộ kinh doanh không thực hiện thông qua Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh. Việc cấp đăng ký hộ kinh doanh theo quy trình dự phòng được áp dụng trong các trường hợp sau:

a) Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh đang trong quá trình xây dựng, nâng cấp;

- b) Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh gặp sự cố kỹ thuật;
- c) Các trường hợp bất khả kháng khác.

2. Căn cứ vào kế hoạch xây dựng, nâng cấp Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, thời gian dự kiến khắc phục sự cố quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này, Bộ Tài chính thông báo trước cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã để thực hiện việc cấp đăng ký hộ kinh doanh theo quy trình dự phòng.

3. Việc phối hợp giải quyết thủ tục cấp đăng ký hộ kinh doanh theo quy trình dự phòng giữa Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã và Cơ quan thuế thực hiện theo quy trình luân chuyển hồ sơ bằng bản giấy.

4. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bộ Tài chính về việc Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh hoàn thành việc xây dựng, nâng cấp hoặc khắc phục sự cố, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã phải cập nhật, bổ sung dữ liệu, thông tin đã cấp cho hộ kinh doanh theo quy trình dự phòng vào Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh.

Điều 97. Thanh toán lệ phí đăng ký kinh doanh

1. Người nộp hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh nộp lệ phí tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh. Lệ phí được nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh hoặc chuyển vào tài khoản của Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã hoặc sử dụng dịch vụ thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Lệ phí không được hoàn trả cho hộ kinh doanh trong trường hợp hộ kinh doanh không được cấp đăng ký hộ kinh doanh.

2. Lệ phí đăng ký kinh doanh không bao gồm tiền sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử.

3. Việc giải quyết các lỗi giao dịch phát sinh trong quá trình sử dụng dịch vụ thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia được thực hiện theo quy định của pháp luật về giải quyết thủ tục hành chính qua mạng thông tin điện tử và quy chế quản lý, vận hành, khai thác Cổng dịch vụ công quốc gia.

4. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã có trách nhiệm phối hợp với tổ chức trung gian thanh toán hoặc ngân hàng thương mại thực hiện việc đối soát dữ liệu thanh toán qua hệ thống thanh toán trực tuyến của Cổng dịch vụ công quốc gia.

Điều 98. Tình trạng pháp lý của hộ kinh doanh

Các tình trạng pháp lý của hộ kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh bao gồm:

1. “Đang hoạt động” là tình trạng pháp lý của hộ kinh doanh đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh mà không thuộc tình trạng pháp lý quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này.

2. “Tạm ngừng kinh doanh” là tình trạng pháp lý của hộ kinh doanh đang trong thời gian tạm ngừng kinh doanh theo quy định tại Nghị định này.

3. “Bị thu hồi do cưỡng chế về quản lý thuế” là tình trạng pháp lý của hộ kinh doanh đã bị Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo đề nghị của Cơ quan quản lý thuế về thực hiện biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế.

4. “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký” là tình trạng pháp lý của hộ kinh doanh được Cơ quan thuế lập biên bản xác minh về việc không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký. Thông tin về hộ kinh doanh không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký do Cơ quan thuế cung cấp cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã. Việc chuyển tình trạng pháp lý và kết thúc tình trạng pháp lý này do Cơ quan thuế quyết định, trừ trường hợp hộ kinh doanh đang thuộc tình trạng pháp lý quy định tại các khoản 2, 3, 5 và 6 Điều này. Cơ quan thuế có trách nhiệm gửi thông tin về tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký” của hộ kinh doanh cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ghi nhận, cập nhật tình trạng pháp lý do Cơ quan thuế cung cấp vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh.

5. “Đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động” là tình trạng pháp lý của hộ kinh doanh đã được Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động.

6. “Đã chấm dứt hoạt động” là tình trạng pháp lý của hộ kinh doanh đã được Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo về việc chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh.

Điều 99. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký thành lập hộ kinh doanh

1. Chủ hộ kinh doanh hoặc người được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh gửi hồ sơ đăng ký thành lập hộ kinh doanh đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi hộ kinh doanh đăng ký trụ sở.

2. Hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh bao gồm:

a) Giấy đề nghị đăng ký hộ kinh doanh;

b) Bản sao văn bản ủy quyền của thành viên hộ gia đình cho một thành viên làm chủ hộ kinh doanh đối với trường hợp hộ kinh doanh do các thành viên hộ gia đình đăng ký thành lập. Văn bản ủy quyền này phải được công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật.

3. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã trao giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả, kiểm tra điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định tại khoản 2 Điều 85 Nghị định này. Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và gửi thông báo về Cơ quan thuế quản lý trực tiếp hộ kinh doanh cho hộ kinh doanh trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện cấp, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo bằng văn bản cho người nộp hồ sơ trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. Thông báo phải nêu rõ lý do và các yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

Điều 100. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh

1. Chủ hộ kinh doanh có trách nhiệm đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh với Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có thay đổi một trong các nội dung sau đây:

a) Tên hộ kinh doanh;

b) Địa chỉ trụ sở;

c) Chủ hộ kinh doanh;

d) Thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh;

- đ) Vốn kinh doanh;
- e) Ngành, nghề kinh doanh;
- g) Nội dung đăng ký thuế của hộ kinh doanh, trừ phương pháp tính thuế.

2. Khi thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh quy định tại các điểm a, b, đ, e và g khoản 1 Điều này, hộ kinh doanh gửi hồ sơ đăng ký thay đổi đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã. Hồ sơ gồm giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh do chủ hộ kinh doanh ký.

Trường hợp việc thay đổi địa chỉ trụ sở dẫn đến thay đổi Cơ quan thuế quản lý trực tiếp hộ kinh doanh, hộ kinh doanh phải thực hiện thủ tục với Cơ quan thuế liên quan đến việc chuyển trụ sở theo quy định của pháp luật về thuế trước khi đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở với Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã.

3. Trường hợp thay đổi chủ hộ kinh doanh do các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh ủy quyền cho một trong các thành viên còn lại làm chủ hộ kinh doanh thì hộ kinh doanh gửi hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

- a) Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh;
- b) Bản sao văn bản ủy quyền của các thành viên hộ gia đình cho một thành viên làm chủ hộ kinh doanh. Văn bản ủy quyền này phải được công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp hộ kinh doanh do thành viên hộ gia đình đăng ký thành lập thay đổi chủ hộ do chủ hộ chết hoặc bị Tòa án tuyên bố đã chết, mất tích, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi thì hồ sơ đăng ký thay đổi chủ hộ kinh doanh bao gồm các giấy tờ quy định tại khoản 3 Điều này, kèm theo bản sao giấy chứng tử hoặc quyết định của Tòa án tuyên bố đã chết, mất tích, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

5. Trường hợp hộ kinh doanh có hai thành viên mà thành viên là chủ hộ kinh doanh chết hoặc bị Tòa án tuyên bố đã chết, mất tích, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi thì thành viên còn lại là chủ hộ kinh doanh. Hồ sơ đăng ký thay đổi chủ hộ kinh doanh trong trường

hợp này gồm giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh và bản sao giấy chứng tử hoặc quyết định của Tòa án tuyên bố đã chết, mất tích, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

6. Trường hợp thay đổi thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh, hộ kinh doanh gửi hồ sơ đăng ký thay đổi đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

- a) Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh;
- b) Bản sao văn bản ủy quyền của thành viên mới cho chủ hộ kinh doanh trong trường hợp tiếp nhận thành viên mới. Văn bản ủy quyền này phải được công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật.

7. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký thay đổi, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã trao giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và cập nhật thông tin thay đổi của hộ kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh; trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung cho hộ kinh doanh. Trường hợp thay đổi các nội dung quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản 1 Điều này, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh cho hộ kinh doanh.

Điều 101. Đăng ký cập nhật, bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh

1. Khi đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh, hộ kinh doanh phải bổ sung thông tin còn thiếu về số điện thoại liên hệ trong hồ sơ đăng ký. Trường hợp hộ kinh doanh không bổ sung thông tin về số điện thoại liên hệ thì hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh được coi là không hợp lệ.

2. Trường hợp hộ kinh doanh cập nhật, bổ sung các thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh mà không thuộc các trường hợp quy định tại Điều 100 Nghị định này thì hộ kinh doanh gửi giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã xem xét tính hợp

lệ của hồ sơ và cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh; trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã phải thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung cho hộ kinh doanh. Trường hợp hộ kinh doanh cập nhật, bổ sung các thông tin trong hồ sơ có trên Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh cho hộ kinh doanh.

3. Trường hợp thay đổi địa giới hành chính làm thay đổi địa chỉ trụ sở của hộ kinh doanh thì hộ kinh doanh được tiếp tục hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đã được cấp mà không bắt buộc phải thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở. Khi có nhu cầu hoặc khi đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh, hộ kinh doanh gửi giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã để được cập nhật thông tin về địa chỉ trụ sở và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

Điều 102. Các trường hợp Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã từ chối cấp đăng ký hộ kinh doanh

1. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã từ chối cấp đăng ký hộ kinh doanh nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Hộ kinh doanh đã bị Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo về hành vi vi phạm của hộ kinh doanh thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc đã bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh;

b) Hộ kinh doanh đang trong tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”.

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã tiếp tục giải quyết thủ tục đăng ký hộ kinh doanh cho hộ kinh doanh thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này khi:

a) Hộ kinh doanh đã có biện pháp khắc phục những vi phạm theo yêu cầu trong thông báo về hành vi vi phạm của hộ kinh doanh thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và được Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chấp nhận hoặc đã được khôi phục tình trạng pháp lý sau khi bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh;

b) Hộ kinh doanh phải đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh để phục vụ việc chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh theo quy định. Trong trường hợp này, hồ sơ đăng ký thay đổi phải kèm theo văn bản giải trình của hộ kinh doanh về lý do đăng ký thay đổi và được Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chấp nhận;

c) Hộ kinh doanh không còn trong tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”.

3. Trường hợp Tòa án; Cơ quan thi hành án; Cơ quan điều tra, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự yêu cầu bằng văn bản về việc hộ kinh doanh không được thực hiện một hoặc một số thủ tục đăng ký hộ kinh doanh thì hộ kinh doanh không được thực hiện thủ tục đó cho đến khi có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của các tổ chức, cá nhân nêu trên về việc cho phép tiếp tục thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh.

Điều 103. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã đăng ký của hộ kinh doanh

1. Trường hợp hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh từ 15 ngày trở lên hoặc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã đăng ký, hộ kinh doanh gửi hồ sơ đăng ký đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày tạm ngừng kinh doanh hoặc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã đăng ký. Hồ sơ đăng ký bao gồm giấy đề nghị đăng ký tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã đăng ký. Trường hợp hộ kinh doanh có nhu cầu tiếp tục tạm ngừng kinh doanh sau khi hết thời hạn đã đăng ký thì phải gửi giấy đề nghị đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày tiếp tục tạm ngừng kinh doanh. Thời hạn tạm ngừng kinh doanh của mỗi lần đăng ký không được quá một năm.

2. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã trao giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả cho hộ kinh doanh. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã cấp giấy xác nhận về việc hộ kinh doanh đăng ký tạm ngừng kinh doanh, giấy xác nhận về việc hộ kinh doanh đăng ký tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã đăng ký cho hộ kinh doanh.

3. Trường hợp hộ kinh doanh đăng ký tạm ngừng kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã cập nhật tình trạng pháp lý của hộ kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh sang tình trạng tạm ngừng kinh doanh.

4. Trường hợp Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc hộ kinh doanh kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện nhưng không đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo yêu cầu hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Trường hợp hộ kinh doanh không tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo yêu cầu, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu hộ kinh doanh báo cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 22 Nghị định này.

Điều 104. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh

1. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh

a) Hộ kinh doanh có trách nhiệm thanh toán đầy đủ các khoản nợ, gồm cả nợ thuế và nghĩa vụ tài chính khác trước khi nộp hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh, trừ trường hợp hộ kinh doanh và chủ nợ có thỏa thuận khác;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của hộ kinh doanh, hộ kinh doanh gửi hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã. Hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh bao gồm thông báo chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh;

c) Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã gửi thông tin về việc hộ kinh doanh đăng ký chấm dứt hoạt động cho Cơ quan thuế. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin, Cơ quan thuế gửi ý kiến về việc hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế của hộ kinh doanh đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động của hộ kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chuyển tình trạng pháp lý của hộ kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh sang tình trạng đã chấm dứt hoạt động nếu không nhận được ý kiến của Cơ quan thuế hoặc nhận được ý kiến của Cơ quan thuế xác nhận hộ kinh doanh đã hoàn thành nghĩa vụ thuế, đồng thời đăng tải

thông báo về việc chấm dứt hoạt động của hộ kinh doanh trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp Cơ quan thuế có ý kiến từ chối do hộ kinh doanh chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế theo quy định thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo cho hộ kinh doanh biết.

2. Sau 180 ngày kể từ ngày Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo tình trạng hộ kinh doanh đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại khoản 8 Điều 107 Nghị định này mà không nhận được hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh và ý kiến phản đối bằng văn bản của Cơ quan quản lý thuế hoặc tổ chức, cá nhân và bên có liên quan khác thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh, đồng thời ra thông báo về việc chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh. Thông tin về việc chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh được Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để cập nhật.

3. Chủ hộ kinh doanh chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh và những hệ quả phát sinh do hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh không trung thực, không chính xác gây ra.

4. Trường hợp hộ kinh doanh do một cá nhân thành lập mà cá nhân đó chết hoặc bị Tòa án tuyên bố đã chết thì hộ kinh doanh chấm dứt hoạt động. Người thừa kế hoặc người quản lý tài sản của chủ hộ kinh doanh theo quy định pháp luật nộp hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã. Hồ sơ bao gồm thông báo chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh kèm theo bản sao giấy chứng tử hoặc bản sao quyết định của Tòa án tuyên bố chủ hộ kinh doanh đã chết. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và thực hiện chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thông tin về việc chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh được Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để cập nhật. Việc xử lý các khoản nợ, gồm cả nợ thuế và nghĩa vụ tài chính khác của hộ kinh doanh thực hiện theo quy định của Nghị định này, pháp luật về dân sự và pháp luật có liên quan.

Điều 105. Các trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trong các trường hợp sau:

1. Nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập hộ kinh doanh là giả mạo;
2. Hộ kinh doanh do những người không được quyền thành lập hộ kinh doanh thành lập;
3. Hộ kinh doanh không gửi báo cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 22 Nghị định này đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn gửi báo cáo;
4. Ngừng hoạt động kinh doanh tại địa chỉ đăng ký quá 06 tháng mà không thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã, Cơ quan thuế quản lý trực tiếp;
5. Theo yêu cầu của Tòa án;
6. Theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của luật.

Điều 106. Xác định nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh là giả mạo

1. Trường hợp có căn cứ xác định nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh là giả mạo, tổ chức, cá nhân, hộ kinh doanh, thành viên hộ gia đình có quyền đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thu hồi theo quy định. Tổ chức, cá nhân, hộ kinh doanh, thành viên hộ gia đình có trách nhiệm cung cấp cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã một trong các giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Văn bản xác định nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh là giả mạo bao gồm:

- a) Bản sao văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp văn bản trả lời văn bản do cơ quan đó cấp bị giả mạo;
- b) Bản sao văn bản trả lời của cơ quan công an về việc nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh là giả mạo.

3. Trường hợp cần xác định nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh là giả mạo, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã gửi văn bản kèm theo hồ sơ

đăng ký hộ kinh doanh đến cơ quan quy định tại khoản 2 Điều này theo quy định của pháp luật về giám định tư pháp. Các cơ quan có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về kết quả xác định theo đề nghị của Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.

Điều 107. Trình tự, thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh

1. Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh là giả mạo

a) Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập hộ kinh doanh là giả mạo, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo về hành vi vi phạm và ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 106 Nghị định này.

b) Trường hợp hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh là giả mạo, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo về hành vi vi phạm của hộ kinh doanh và quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh của các lần đăng ký thay đổi được cấp trên cơ sở nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thay đổi là giả mạo trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 106 Nghị định này. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã đăng tải thông báo vi phạm của hộ kinh doanh trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, thông báo cho Cơ quan quản lý thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hành vi vi phạm của hộ kinh doanh để phối hợp quản lý và xử lý theo quy định của pháp luật, đồng thời cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trên cơ sở hồ sơ hợp lệ gần nhất trước đó.

Hộ kinh doanh có thể nộp lại hồ sơ để được xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh. Hộ kinh doanh có thể gộp các nội dung thay đổi hợp pháp của các lần đăng ký sau đó trong một bộ hồ sơ để được cấp một lần đăng ký thay đổi mới.

c) Trường hợp việc xử lý nội dung kê khai giả mạo có liên quan đến nhiều Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi hộ kinh doanh đang đặt trụ sở chính xử lý theo thẩm quyền nội dung thay đổi đã chấp thuận trên cơ sở nội dung kê khai giả mạo, đồng thời, thông báo kết quả xử lý đến

Cơ quan thuế liên quan để cập nhật, theo dõi quản lý thuế. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi hộ kinh doanh chuyển đến chuyển thông tin hộ kinh doanh, kết quả xử lý kèm tài liệu có liên quan đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi hộ kinh doanh chuyển đi để tiếp tục xử lý theo quy định.

2. Trường hợp hộ kinh doanh được thành lập bởi những người không được quyền thành lập hộ kinh doanh:

a) Nếu hộ kinh doanh do một cá nhân thành lập và cá nhân đó không được quyền thành lập hộ kinh doanh theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Nghị định này thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo về hành vi vi phạm và ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh;

b) Nếu hộ kinh doanh do các thành viên hộ gia đình thành lập và có thành viên không được quyền thành lập hộ kinh doanh theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Nghị định này thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo yêu cầu hộ kinh doanh đăng ký thay đổi cá nhân đó trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ra thông báo. Nếu quá thời hạn trên mà hộ kinh doanh không đăng ký thay đổi thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo về hành vi vi phạm và ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

3. Trường hợp hộ kinh doanh không gửi báo cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 22 Nghị định này thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn quy định tại khoản 3 Điều 105 Nghị định này, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo bằng văn bản về hành vi vi phạm và yêu cầu chủ hộ kinh doanh đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã để giải trình. Kết thúc thời hạn giải trình ghi trong thông báo mà người được yêu cầu không đến hoặc nội dung giải trình không được chấp thuận thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn giải trình.

4. Trường hợp hộ kinh doanh ngừng hoạt động kinh doanh tại địa chỉ đăng ký quá 06 tháng mà không thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã, Cơ quan thuế quản lý trực tiếp thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo bằng văn bản về hành vi vi phạm và yêu cầu chủ hộ kinh doanh đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã để giải trình. Kết thúc thời hạn giải trình ghi trong thông báo mà

người được yêu cầu không đến hoặc nội dung giải trình không được chấp thuận thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn giải trình. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trong việc xem xét nội dung giải trình hành vi vi phạm của hộ kinh doanh.

Trường hợp cần xác định rõ hành vi vi phạm của hộ kinh doanh thuộc trường hợp thu hồi tại khoản này, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 22 Nghị định này.

5. Trường hợp Tòa án yêu cầu Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trên cơ sở yêu cầu của Tòa án trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu.

6. Trường hợp Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nhận được văn bản đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo trình tự, thủ tục quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

7. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo vi phạm, quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã gửi thông báo vi phạm, quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đến trụ sở của hộ kinh doanh, đồng thời gửi sang Cơ quan thuế để cập nhật và phối hợp quản lý.

8. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đồng thời ra thông báo về việc hộ kinh doanh đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động, cập nhật tình trạng pháp lý của hộ kinh doanh sang tình trạng đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động, trừ trường hợp hộ kinh doanh bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh để thực hiện biện pháp cưỡng chế nợ thuế theo đề nghị của Cơ quan quản lý thuế. Cơ quan đăng ký

kinh doanh cấp xã đăng tải thông báo vi phạm, quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và thông báo về việc hộ kinh doanh đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

9. Sau khi Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh thì hộ kinh doanh không được tiếp tục hoạt động kinh doanh. Hộ kinh doanh phải thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh theo quy định tại Điều 104 Nghị định này.

Điều 108. Khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh sau khi hộ kinh doanh bị ra quyết định thu hồi

1. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra quyết định hủy bỏ quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đồng thời khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh trong các trường hợp sau đây:

a) Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã xác định hộ kinh doanh không thuộc trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh;

b) Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nhận được văn bản của Cơ quan quản lý thuế đề nghị khôi phục lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh sau khi hộ kinh doanh bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh do cưỡng chế nợ thuế trong trường hợp hộ kinh doanh chưa chuyển sang tình trạng pháp lý đã chấm dứt hoạt động trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh.

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra quyết định hủy bỏ quyết định thu hồi và khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh cho hộ kinh doanh trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày xác định hộ kinh doanh không thuộc trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc nhận được văn bản đề nghị của Cơ quan quản lý thuế.

3. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định hủy bỏ quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã gửi quyết định nêu trên đến trụ sở của hộ kinh doanh, đồng thời gửi thông báo về việc hủy bỏ quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và khôi phục tình trạng pháp lý của hộ kinh doanh cho Cơ quan quản lý thuế, đăng tải thông báo, quyết định trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Điều 109. Xử lý các trường hợp thực hiện không đúng quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục hoặc thông tin trong hồ sơ là không trung thực, không chính xác

1. Trường hợp Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã xử lý hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh hoặc ra thông báo, quyết định không đúng quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục tại Nghị định này, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo tới hộ kinh doanh để biết, đồng thời thực hiện lại theo đúng quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục tại Nghị định này.

2. Việc xử lý trường hợp hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh kê khai không trung thực, không chính xác được thực hiện như sau:

a) Trường hợp thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập hộ kinh doanh là không trung thực, không chính xác, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo cho Cơ quan quản lý thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phối hợp quản lý và xử lý theo quy định của pháp luật, đồng thời thông báo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh được cấp trên cơ sở hồ sơ đăng ký có thông tin kê khai không trung thực, không chính xác là không có hiệu lực. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã đăng tải thông báo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh không có hiệu lực trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu hộ kinh doanh nộp hồ sơ mới thay cho hồ sơ đăng ký thành lập kê khai không trung thực, không chính xác theo quy định trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ra thông báo để được xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh. Hộ kinh doanh có thể gộp các nội dung thay đổi hợp pháp của các lần đăng ký thay đổi trong một bộ hồ sơ để được cấp một lần đăng ký thay đổi mới. Trường hợp hộ kinh doanh không nộp hồ sơ, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu hộ kinh doanh báo cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 22 Nghị định này;

b) Trường hợp thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh là không trung thực, không chính xác, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo cho Cơ quan quản lý thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phối hợp quản lý và xử lý theo quy định của pháp luật, đồng thời thông báo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh được cấp trên cơ sở hồ sơ đăng ký có thông tin kê khai không trung thực, không chính xác là không có hiệu lực và cấp

Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trên cơ sở hồ sơ hợp lệ liền kề trước hồ sơ kê khai không trung thực, không chính xác. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã đăng tải thông báo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh không có hiệu lực trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Hộ kinh doanh có thể nộp hồ sơ mới để được xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh. Hộ kinh doanh có thể gộp các nội dung thay đổi hợp pháp của các lần đăng ký thay đổi liền kề sau hồ sơ kê khai không trung thực, không chính xác trong một bộ hồ sơ để được cấp một lần đăng ký thay đổi mới;

c) Trường hợp việc xử lý nội dung kê khai không trung thực, không chính xác có liên quan đến nhiều Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi hộ kinh doanh đang đặt trụ sở chính xử lý theo thẩm quyền nội dung thay đổi đã chấp thuận trên cơ sở nội dung kê khai không trung thực, không chính xác, đồng thời, thông báo kết quả xử lý đến Cơ quan thuế liên quan để cập nhật, theo dõi quản lý thuế. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi hộ kinh doanh chuyển đến chuyển thông tin hộ kinh doanh, kết quả xử lý kèm tài liệu có liên quan đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi hộ kinh doanh chuyển đi để tiếp tục xử lý theo quy định.

Điều 110. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh

Trường hợp hộ kinh doanh đã được cấp bản giấy Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh có nhu cầu được cấp lại Giấy này do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác, hộ kinh doanh gửi văn bản đề nghị cấp lại đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị. Khi được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, hộ kinh doanh phải nộp lệ phí theo quy định của pháp luật.

Điều 111. Đăng ký hộ kinh doanh qua mạng thông tin điện tử

1. Đăng ký hộ kinh doanh qua mạng thông tin điện tử là việc chủ hộ kinh doanh, người được ủy quyền sử dụng tài khoản định danh điện tử để thực hiện việc đăng ký hộ kinh doanh trên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh.

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tìm hiểu thông tin, thực hiện đăng ký hộ kinh doanh qua mạng thông tin điện tử.

Điều 112. Hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh qua mạng thông tin điện tử

1. Hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh qua mạng thông tin điện tử bao gồm các giấy tờ theo quy định tại Nghị định này và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh qua mạng thông tin điện tử có giá trị pháp lý tương đương hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh bằng bản giấy.

2. Hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh qua mạng thông tin điện tử phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh bằng bản giấy;

b) Các thông tin đăng ký hộ kinh doanh được kê khai trên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh phải được nhập đầy đủ và chính xác theo các thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh;

c) Có thông tin về số điện thoại, thư điện tử của người nộp hồ sơ được kê khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp;

d) Phải được ký số bởi chủ hộ kinh doanh hoặc người được chủ hộ kinh doanh ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh. Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh, hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh qua mạng thông tin điện tử phải kèm theo các giấy tờ, tài liệu quy định tại Điều 93 Nghị định này được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử quy định tại khoản 9 Điều 3 Nghị định này.

3. Thời hạn để hộ kinh doanh sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh qua mạng thông tin điện tử là 60 ngày kể từ ngày Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu hộ kinh doanh không nộp hồ sơ sửa đổi, bổ sung thì hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh không còn giá trị. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh.

Điều 113. Trình tự, thủ tục đăng ký hộ kinh doanh qua mạng thông tin điện tử

1. Người nộp hồ sơ sử dụng tài khoản định danh điện tử để đăng nhập vào Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh.

2. Người nộp hồ sơ kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký số hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh qua mạng thông tin điện tử và thanh toán lệ phí theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh.

3. Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, người nộp hồ sơ sẽ nhận được giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh qua mạng thông tin điện tử.

4. Các thông tin đăng ký hộ kinh doanh trên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh được truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để phối hợp, trao đổi thông tin giữa Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã và Cơ quan thuế.

5. Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp đăng ký hộ kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện cấp đăng ký hộ kinh doanh và thông báo cho hộ kinh doanh về việc cấp đăng ký hộ kinh doanh. Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện cấp đăng ký hộ kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã gửi thông báo qua mạng thông tin điện tử cho hộ kinh doanh để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

6. Hộ kinh doanh thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh qua mạng thông tin điện tử có thể dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh theo quy định tại khoản 5 Điều 95 Nghị định này.

Điều 114. Chuẩn hóa dữ liệu đăng ký hộ kinh doanh

1. Chuẩn hóa dữ liệu là việc thực hiện các bước rà soát, kiểm tra đối chiếu và bổ sung, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh.

2. Căn cứ dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh đã được chuyển đổi và lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã gửi thông báo về việc rà soát thông tin đăng ký hộ kinh doanh đến hộ kinh doanh, yêu cầu hộ kinh doanh đối chiếu thông tin. Trường hợp thông tin đăng ký hộ kinh doanh tại thông báo bị thiếu hoặc chưa chính xác so với bản giấy của

Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, hộ kinh doanh gửi giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo. Việc bổ sung, hiệu đính thông tin thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 115 Nghị định này.

Điều 115. Bổ sung, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh

1. Trường hợp hộ kinh doanh phát hiện nội dung trên Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh chưa chính xác so với nội dung hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, hộ kinh doanh gửi giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy đề nghị của hộ kinh doanh nếu thông tin nêu tại giấy đề nghị của hộ kinh doanh là chính xác.

2. Trường hợp Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã phát hiện nội dung trên Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh chưa chính xác so với nội dung hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã gửi thông báo về việc hiệu đính nội dung trên Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đến hộ kinh doanh và cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh cho hộ kinh doanh trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày gửi thông báo.

3. Trường hợp hộ kinh doanh phát hiện thông tin đăng ký hộ kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh bị thiếu hoặc chưa chính xác so với bản giấy của giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký thuế, hộ kinh doanh gửi giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã. Kèm theo giấy đề nghị phải có bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký thuế. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của hộ kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã có trách nhiệm bổ sung, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh nếu thông tin nêu tại giấy đề nghị của hộ kinh doanh là chính xác.

4. Trường hợp Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã phát hiện thông tin đăng ký hộ kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh bị thiếu hoặc không

chính xác so với bản giấy của giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký thuế, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi phát hiện, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã bổ sung, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh.

Điều 116. Cung cấp thông tin đăng ký hộ kinh doanh

Tổ chức, cá nhân có thể tra cứu thông tin đăng ký hộ kinh doanh miễn phí trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp tại địa chỉ www.dangkykinhdoanh.gov.vn, bao gồm: tên hộ kinh doanh; mã số hộ kinh doanh; địa chỉ trụ sở; ngành, nghề kinh doanh; họ và tên chủ hộ kinh doanh.

Chương IX ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 117. Xử lý hồ sơ tiếp nhận trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh đã được tiếp nhận và chưa được Cơ quan đăng ký kinh doanh chấp thuận trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì việc giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

Điều 118. Quy định chuyển tiếp đối với các doanh nghiệp hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế

Doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế được tiếp tục hoạt động theo nội dung các giấy chứng nhận nêu trên và không bắt buộc phải thực hiện thủ tục cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Doanh nghiệp được cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định này trong trường hợp sau đây:

1. Trường hợp doanh nghiệp thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp nộp hồ sơ đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi đặt trụ sở chính. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ tương ứng quy định tại Nghị định này. Đối với doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng

nhận đăng ký kinh doanh thì hồ sơ phải kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh tiếp nhận, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ, cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp theo quy định tương ứng tại Nghị định này.

2. Trường hợp doanh nghiệp thực hiện thủ tục thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo; đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo lập địa điểm kinh doanh; đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, thông báo tạm ngừng kinh doanh, tạm ngừng hoạt động, tiếp tục kinh doanh, tiếp tục hoạt động trước thời hạn đã thông báo, đăng ký chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính, doanh nghiệp nộp hồ sơ đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi đặt trụ sở chính. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ tương ứng quy định tại Nghị định này kèm theo giấy đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Đối với doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thì hồ sơ phải kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh tiếp nhận, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ, cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh, giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp và các giấy xác nhận khác theo quy định tương ứng tại Nghị định này.

3. Trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp khác tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính, doanh nghiệp phải thực hiện thủ tục đăng ký quy định tại khoản 1 Điều này trước khi thực hiện thủ tục đăng ký hoạt động, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, thông báo tạm ngừng kinh doanh, tạm ngừng hoạt động, tiếp tục kinh doanh, tiếp tục hoạt động trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

Điều 119. Quy định chuyển tiếp đối với các doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương

1. Doanh nghiệp đã được cấp Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị

pháp lý tương đương được tiếp tục hoạt động theo nội dung các giấy chứng nhận nêu trên và không bắt buộc phải thực hiện thủ tục cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

2. Doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương chuyển sang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp sau đây:

a) Trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh. Trong trường hợp này, doanh nghiệp nộp hồ sơ đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Hồ sơ bao gồm văn bản đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp; bản sao Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương; bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế của doanh nghiệp;

b) Trường hợp doanh nghiệp đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Trong trường hợp này, doanh nghiệp nộp hồ sơ đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ tương ứng với nội dung đăng ký, thông báo quy định tại Nghị định này và các giấy tờ quy định tại điểm a khoản này;

c) Trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh thay thế nội dung đăng ký hoạt động trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Trong trường hợp này, doanh nghiệp nộp hồ sơ đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh

nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ quy định tại điểm a khoản này và văn bản đề nghị bổ sung cập nhật thông tin đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp đối với trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện hoạt động theo giấy này, bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế của chi nhánh, văn phòng đại diện;

d) Trường hợp doanh nghiệp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Trong trường hợp này, doanh nghiệp nộp hồ sơ đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ quy định tương ứng tại Nghị định này và các giấy tờ quy định tại điểm c khoản này.

3. Trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh khác tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính, doanh nghiệp phải thực hiện thủ tục cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này trước khi thực hiện thủ tục đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tại Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi đặt chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh. Trong trường hợp, này hồ sơ đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh thực hiện theo quy định tại các điểm b, c và d khoản 2 Điều này, trong đó không bao gồm các giấy tờ quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

4. Trường hợp doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương đăng ký giải thể, doanh nghiệp không bắt buộc phải thực hiện thủ tục cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Hồ sơ đăng ký giải thể trong trường hợp này bao gồm các giấy tờ tương ứng theo quy định tại khoản 1 Điều 210 Luật Doanh nghiệp và các giấy tờ quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

5. Trường hợp Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương có thông tin về địa điểm kinh doanh thì khi thực hiện cấp đổi sang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, doanh nghiệp sẽ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh nếu có nhu cầu.

6. Khi nhận được hồ sơ của doanh nghiệp, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh trao giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp và các giấy xác nhận khác theo quy định tương ứng tại Nghị định này.

Điều 120. Quy định chuyển tiếp đối với giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đã cấp cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng (văn phòng đại diện nước ngoài), chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của tổ chức tín dụng

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động do Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP trước ngày Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 có hiệu lực thi hành tiếp tục có hiệu lực, trừ các nội dung đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận thay đổi hoặc được thay đổi theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng.

2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động quy định tại khoản 1 Điều này hết hiệu lực toàn bộ khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp đổi hoặc thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng, Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Giấy phép thành lập văn phòng đại diện nước ngoài.

3. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh do Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp cho chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP trước ngày Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 có hiệu lực thi hành tiếp tục có hiệu lực, trừ các nội dung đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận thay đổi hoặc được thay đổi theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng.

Điều 121. Quy định chuyển tiếp đối với trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh đã được cấp có sử dụng thông tin từ chứng minh nhân dân, căn cước công dân

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh đã được cấp có sử dụng thông tin từ chứng minh nhân dân, căn cước công dân của chủ doanh nghiệp tư nhân, chủ sở hữu, thành viên, cổ đông sáng lập, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, người đại diện theo ủy quyền của thành viên, cổ đông sáng lập là tổ chức, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh được giữ nguyên giá trị sử dụng.

Trường hợp có nhu cầu hoặc khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định này, doanh nghiệp gửi giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh để cập nhật thông tin về thẻ Căn cước của chủ doanh nghiệp tư nhân, chủ sở hữu, thành viên, cổ đông sáng lập, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, người đại diện theo ủy quyền của thành viên, cổ đông sáng lập là tổ chức, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

Điều 122. Quy định chuyển tiếp về việc sử dụng tài khoản đăng ký kinh doanh để thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử

Tài khoản đăng ký kinh doanh được sử dụng để ký xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử quy định tại điểm d khoản 2 Điều 38 và khoản 1 Điều 39 Nghị định này đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Điều 123. Quy định chuyển tiếp về đăng ký hộ kinh doanh

1. Hộ kinh doanh đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành được tiếp tục hoạt động theo nội dung các giấy tờ trên. Hộ kinh doanh được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định tại Nghị định này trong trường hợp sau đây:

a) Trường hợp hộ kinh doanh thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh, hộ kinh doanh nộp hồ sơ đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ tương ứng quy định tại Nghị định này. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ;

b) Trường hợp hộ kinh doanh thực hiện thủ tục đăng ký tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã đăng ký, hộ kinh doanh nộp hồ sơ đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ tương ứng quy định tại Nghị định này kèm theo giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

2. Trường hợp Cơ quan thuế sử dụng mã định danh cá nhân thay cho mã số thuế theo quy định của pháp luật về thuế thì hộ kinh doanh đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh được tiếp tục hoạt động theo nội dung các giấy tờ trên. Hộ kinh doanh được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định tại Nghị định này, trong đó ghi nhận mã số mới do Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế truyền sang khi hộ kinh doanh thực hiện các thủ tục nêu tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp mua bán, tặng cho, thừa kế hộ kinh doanh được thực hiện trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, hộ kinh doanh gửi hồ sơ đăng ký thay đổi chủ hộ kinh doanh đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

- a) Thông báo thay đổi chủ hộ kinh doanh;
- b) Hợp đồng mua bán hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc mua bán trong trường hợp bán hộ kinh doanh; hợp đồng tặng cho đối với trường hợp tặng cho hộ kinh doanh; bản sao văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của người thừa kế trong trường hợp thay đổi chủ hộ kinh doanh do thừa kế;
- c) Bản sao văn bản ủy quyền của thành viên hộ gia đình cho một thành viên làm chủ hộ kinh doanh đối với trường hợp hộ kinh doanh do các thành viên hộ gia đình đăng ký thành lập. Văn bản ủy quyền này phải được công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh cho hộ kinh doanh; trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do và các yêu cầu sửa đổi, bổ sung cho hộ kinh doanh.

4. Hộ kinh doanh do hộ gia đình, nhóm cá nhân thành lập đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành được tiếp tục hoạt động mà không bắt buộc phải đăng ký lại theo quy định tại Nghị định này.

5. Hộ kinh doanh do nhóm cá nhân thành lập trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã đăng ký, chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh theo quy định tại Nghị định này. Hồ sơ đăng ký không bao gồm bản sao văn bản ủy quyền của các thành viên hộ gia đình cho một thành viên làm chủ hộ kinh doanh quy định tại Nghị định này. Kèm theo hồ sơ phải có biên bản họp nhóm cá nhân tham gia hộ kinh doanh về nội dung đăng ký. Hộ kinh doanh nêu trên chỉ thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi thành viên nếu có thành viên không tiếp tục tham gia hộ kinh doanh.

6. Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đã được cấp có sử dụng thông tin từ chứng minh nhân dân, căn cước công dân của chủ hộ kinh doanh, thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh được giữ nguyên giá trị sử dụng.

Trường hợp có nhu cầu hoặc khi thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh theo quy định tại Nghị định này, hộ kinh doanh gửi giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã để cập nhật thông tin về thẻ Căn cước của chủ hộ kinh doanh, thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh.

Điều 124. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Nghị định này thay thế Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp và Nghị định số 122/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về phối hợp, liên thông thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, khai trình việc sử dụng lao động, cấp mã số đơn vị tham gia bảo hiểm xã hội, đăng ký sử dụng hóa đơn của doanh nghiệp.

3. Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 66 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư như sau: “Văn bản đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp gồm những nội dung: thông tin về đăng ký doanh nghiệp của tổ chức kinh tế mà nhà đầu tư nước ngoài dự kiến góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp; ngành, nghề kinh doanh; danh sách chủ sở hữu, thành viên, cổ đông sáng lập, danh sách chủ sở hữu, thành viên, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (nếu có); tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trước và sau khi góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp vào tổ chức kinh tế; giá trị giao dịch thực tế của hợp đồng góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp; thông tin về dự án đầu tư của tổ chức kinh tế (nếu có)”.

4. Căn cứ điều kiện kết nối, chia sẻ thông tin giữa Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và Hệ thống định danh và xác thực điện tử, việc áp dụng

xác thực điện tử quy định tại khoản 5 Điều 12 và khoản 5 Điều 93 Nghị định này được thực hiện theo lộ trình thông báo trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

5. Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành biểu mẫu sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh theo quy định tại Nghị định này.

6. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu và các đối tượng áp dụng của Nghị định chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Nguyễn Chí Dũng